TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST Ngày 15-01-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1958/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Băng C, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 3, đường T, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Băng C trình bày: Bà và ông Lê Thanh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 4 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Quang, huyện Tuy Phước. Thời gian sống chung, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vì ông Đ thường xuyên đánh bà. Nhiều lúc bà đi chợ về trễ ông Đ ghen tuông đánh bà. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã được địa phương hòa giải

nhưng không hàn gắn được. Từ năm 2016, bà đã chuyển ra ngoài sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung Lê Trương T, sinh năm 1999 và Lê Trương N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2003. Hiện nay cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu giao cháu N cho ông Đ nuôi dưỡng và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Bà và ông Đ không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà C được ly hôn, giao con chung cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc bà C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Băng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với ông Lê Thanh Đ là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thanh Đ vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Bà Trương Thị Băng C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông Đ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà C cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này và kết quả xác minh của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Băng C và ông Lê Thanh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 4 năm 1998 tại UBND xã Phước Quang, huyện Tuy

Phước nên hôn nhân giữa bà C, ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Bà C yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện qua việc ông bà đã không sống chung với nhau trong một thời gian dài, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện nay, giữa ông bà cũng không có liên hệ gì với nhau để hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà C được ly hôn ông Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Bà C và ông Đ có 02 con chung là Lê Trương T, sinh năm 1999 và Lê Trương N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2003. Anh T đã trưởng thành và bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy từ khi sống ly thân đến nay, cháu N vẫn đang sống với ông Đ và ông vẫn đảm bảo để cháu được phát triển bình thường. Hiện nay cháu N đang theo học tại Bình Định nên việc giao cháu cho ông Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ: Bà C không yêu cầu giải quyết. Bà C và ông Đ không có nợ chung.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Trương Thị Băng C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho bà Trương Thị Băng C được ly hôn ông Lê Thanh Đ.

2. Giao con chung là cháu Lê Trương N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2003 cho ông Lê Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N đang sống với ông Đ.

Bà Trương Thị Băng C cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc

cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Bà Trương Thị Băng C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000846 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước. Bà C còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND X. Phước Quang, H. Tuy Phước (Số 018/1998);
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên